

Số: 214/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

c) Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

Điều 2. Người nộp phí, lệ phí

Người nộp phí, lệ phí bao gồm:

1. Cơ quan, tổ chức khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh phải nộp phí thẩm định theo quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh hoặc hồ sơ đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này

Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí

Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm:

1. Cục Xuất bản, In và Phát hành (trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông) có thẩm quyền cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh của cơ quan, tổ chức ở trung ương và tổ chức nước ngoài; xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức khác có tư cách pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương của cơ quan, tổ chức ở trung ương; cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 41 Luật xuất bản.

Điều 4. Mức thu phí, lệ phí

Mức thu phí, lệ phí được quy định như sau:

1. Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản:

a) Tài liệu in trên giấy: 15.000 đồng/trang quy chuẩn;

b) Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 6.000 đồng/phút;

c) Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 27.000 đồng/phút.

2. Lệ phí cấp phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh: 50.000 đồng/hồ sơ.

3. Lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh: 50.000 đồng/hồ sơ.

Điều 5. Kê khai, nộp phí, lệ phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện nộp số tiền phí thu được theo tỷ lệ quy định tại Điều 6 Thông tư này và nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số

điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân, Cục Thuế, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST 5).



Vũ Thị Mai